

BÀI MINH VĂN CHÙA THIÊN PHÚC ĐỜI LÝ

*Hoàng Văn Lâu**

Chùa Thiên Phúc, tục gọi là chùa Thầy, xưa gọi là viện Hương Hải, am Bồ Đà, thuộc 2 xã Thiên Phúc và Thụy Khuê huyện Yên Sơn phủ Quốc Oai, xứ Sơn Tây, nay là xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

Theo *Đại Việt sử lược*, chùa này do vua Lý Thánh Tông ra lệnh xây dựng vào tháng 12 năm Long Thụy Thái Bình thứ 4 (1057), trở thành một trung tâm Phật giáo thời Lý. Chùa từng là nơi trụ trì của vị Thiền sư nổi tiếng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam - Từ Đạo Hạnh. Trải qua bao hưng phế của lịch sử, chùa luôn được các triều đại tôn trọng, trùng tu, là một danh thắng bậc nhất của nước ta.

Quả chuông chùa Thiên Phúc đúc từ thời Lý, đã được nhiều học giả các đời nhắc tới. Năm 1777, khi sưu tập di văn khắc trên bia, trên chuông (Kim thạch di văn), nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) đã trân trọng xếp nó ở vị trí số 1 trong số 17 bia chuông thời Lý-Trần mà ông đã sưu tập và nghiên cứu (*Kiến văn tiểu lục* mục *Thiên chuông*). Theo Lê Quý Đôn, Đạo Hạnh Thiền Sư đúc chuông vào năm Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109). Đề từ Huệ Hưng soạn bài minh, Trước tác lang Nghiêm Thường viết chữ. Lê Quý Đôn còn nói rõ: Trên chuông, sau này người ta khắc thêm thánh chỉ của vua Trần Anh Tông, ghi năm Hưng Long thứ 12 (1304), cấp ruộng thờ cho chùa.

* TS, Viện nghiên cứu Hán Nôm.

Quả chuông đúc vào thời Lý này nay không còn. Nhiều người muốn biết rõ số phận của quả chuông đó, hoặc một vài dấu tích có thể soi rọi lại lịch của một di sản văn hoá quý của một thời kỳ phát triển rực rỡ của dân tộc. Rất may là ở chùa hiện còn giữ được quả chuông, có khắc bài minh do một đại danh bút nhà Tây Sơn biên soạn. Bài minh có tên là: **Phật tích sơn Thiên Phúc tự tân chung ký minh**. Trong bài ký khắc trên chuông mới này, Phan Huy Ích cho biết: Chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích do Từ Đạo Hạnh sáng lập. Đạo Hạnh sống vào thời Lý Nhân Tông (1072-1128), ông tu luyện trên núi, pháp lực vô biên, ông dựng am cạnh vách đá, mở ra trường đạo riêng. Vào mùa xuân năm Kỷ Sửu, niên hiệu Long Phù Nguyên Hoá thứ 9 (1109) ông cho đúc một quả chuông nặng hai nghìn cân, rộng khoảng 10 vòng. Mùa thu năm đó, lại đón đệ tử là Thích Huệ Hưng tới để viết bài ký dài vài nghìn câu, một bài minh theo lối 4 câu 2 vắn, vắn từ, điển chương rất đẹp. Người viết chữ là Nghiêm Thường... chuông đúc được 7 năm thì Từ Đạo Hạnh mất. Trải qua các triều đại Lý, Trần, chùa vẫn được bảo vệ tốt. Riêng quả chuông thì sau cuộc xâm lược của quân Minh vẫn còn giữ được nguyên vẹn. Mãi đến năm 1789 (năm Kỷ Dậu, niên hiệu Quang Trung năm thứ 2), do thiếu đồng để đúc tiền, nên quả chuông nhà Lý này mới bị phá huỷ.

Những chỉ bảo quý giá của Phan Huy Ích càng làm cho những người sưu tập di văn kim thạch thêm nuối tiếc: Một quả chuông lớn, nặng đến 2 nghìn cân, giữ được suốt mấy trăm năm, lại bị phá huỷ vào lúc đất nước đã đánh tan quân xâm lược. Nhưng một điều cũng đáng quan tâm hơn là: Bài ký “mấy nghìn chữ” và bài minh “4 câu 2 vắn” khắc trên chuông mà chính Lê Quý Đôn, Phan Huy Ích đã đọc, liệu trước khi bị phá huỷ có được sao chép dù chỉ một phần hay không? Lẽ nào một kiệt tác văn chương như vậy lại không được thế hệ đại văn gia thế kỷ XVIII sưu tập?

Những năm 70 của thế kỷ này, Viện Văn học tập trung các nhà Hán học, các học giả, nhà nghiên cứu văn học tiến hành một đợt sưu tập với quy mô lớn di văn thời Lý, Trần. Riêng về “di văn kim thạch”, thì phần *Khảo luận văn bản (Thơ văn Lý, Trần, tập I*, tr 125) cho biết, bài *Phật tích Sơn Thiên Phúc tự chung minh* do Huệ Hưng soạn (1109) đã mất. Những năm gần đây, khi sưu tập di văn kim thạch các thời đại từ Bắc thuộc đến Lý, Trần, chúng tôi ngoài việc chú trọng điều tra thực tế, tìm lại bia đá, chuông đồng còn giữ được, còn để tâm sưu tầm thêm những bộ sưu tập kim thạch di văn do các nhà sưu tầm ghi chép lại từ các thế kỷ trước. Mỗi khi tìm lại được một loại văn bản như thế, chúng tôi đã tiến hành giám định một cách nghiêm ngặt, theo những nguyên tắc và phương pháp văn bản học Hán Nôm chặt chẽ.

Bài ký và bài minh khắc trên chuông chùa Thiên Phúc do Huệ Hưng soạn năm 1109 được chép trong một sưu tập văn bia *Kim văn loại tự* (sách hiện lưu giữ tại viện nghiên cứu Hán Nôm), có tên là: *Thiên Phúc tự hồng chung minh văn* (Minh văn chuông chùa Thiên Phúc). Xét từ hình thức văn khắc (có bài ký hơn ngàn chữ, bài minh 4 câu 2 vắn) đến nội dung của bài văn khắc trên chuông (như nói chuông nặng hơn hai ngàn cân, bài ký và bài minh do đệ tử Huệ Hưng soạn...) đều phù hợp với những thông tin do Lê Quý Đôn và Phan Huy Ích (những học giả được nhìn thấy chuông, đọc bài minh trên chuông trước khi chuông bị phá) cung cấp.

Mở đầu bài ký, tác giả bàn về: “điều lý” và “vọng cảnh” của đạo Phật. “Điều lý tuy một, nhưng vọng cảnh thực rất nhiều”, cùng mối quan hệ biện chứng giữa chúng. Phần này cũng nêu bật ý nghĩa tượng trưng của chuông. Theo tác giả, có 2 phương pháp răn dạy chúng sinh: Một là dùng “cổ giáo” (phương pháp truyền

thống) để răn dạy, hai là đem vật thực mà cảnh tỉnh. Riêng “vật thực” thì coi chuông là thứ nhất.

“Chuông, bên ngoài biểu thị tròn đầy, bên trong tỏ ý chứa rỗng. Tròn có nghĩa là luôn luôn dùng mà không hay, đầy là lấy ý khó huỷ hoại; chứa nghĩa là chứa vào mà không trở ngại, rỗng có ý phát huy vô tận. Nếu không như vậy, có sao Phật vừa sai gõ chuông thì sấm trời im tiếng, sáo đất lặng âm. Tam giới lập tức tỉnh ngộ...”.

Phần lớn bài minh chuông ca ngợi Phật pháp cao siêu và công đức vô lường của Thiền sư Từ Đạo Hạnh, kể lại quá trình trùng tu chùa Phật và đúc quả chuông lớn.

Thiền sư Từ Đạo Hạnh là một nhân vật lịch sử quan trọng không những của Phật giáo mà của cả triều đại nhà Lý. Về ông, có rất nhiều truyền thuyết và giai thoại rất huyền diệu. Bài văn này do người sống cùng thời và rất gần gũi với Từ Đạo Hạnh cho rằng thừa nhỏ ông là người thanh tú khác thường, lớn lên thiên tư kỳ vĩ. Khi tụng tập *Liên kinh*, tiếng ngọc vang sang sảng: Lúc xuất gia hành lễ, tâm phật thấm từ bi. Dựng Bát chũng tháp mà khắp cõi hết mực uy nghiêm. Đọc Tam khấp thư mà kinh Phật thấy đều quán triệt. Gặp khi đại hạn, đốt một ngón tay, mà mưa xuống tràn trề; Học cổ không ăn, ngồi đó nhiều năm mà mặt không sắc đỏ. Dân mắc dịch bệnh, bung nước rẫy và dứt hết ốm đau; Việc chưa manh nha, dự đoán trước mà đúng như bùa phép...”.

Theo bài văn, khi Từ Đạo Hạnh đến núi Phật Tích thì trên núi đó có chùa... “Ngọn núi ấy sừng sững như Lãng Già bao bọc, vàng vạc một vầng trăng thu. Có bậc thang lạ, dẫn vào am Phật bằng đá. Mây ngũ sắc vẫn vù, ngọc thất châu buông rèm, lưới nhện đan xen, áo tơ rục rở... ngày xưa bậc ản sĩ góp công đúc dựng lên, đâu có khác thần linh tạo hoá...”. Ông ở đủ 6 năm, theo

yêu cầu của các đệ tử mới xây dựng một ngôi chùa “ở mảnh đất phía dưới, cũng là chốn thắng địa”. Hãy xem quang cảnh xây dựng chùa “Thế là rừng cây lên tiếng, trong chốc lát, các thiện nam tín nữ kéo về; chẳng mấy hôm đã xuất hiện quang cảnh mới: tìm xẻ gỗ quý, đắp lò ngói xanh. Dấu mực thước dọc ngang, tiếng búa rìu chan chất. Nguyện viện mới, sừng sững lầu cao. Trông thông gây bóng mát cho lối đi, làm vườn toả hương thơm nơi cảnh Phật...”.

Khi chùa đã làm xong, Từ Đạo Hạnh đích thân đi quyền hoá lấy đồng đúc chuông: “chân thoãn thoát trên khắp nẻo đường, tựa lân vờn thú nhẩy, như phượng múa rồng bay... chưa đầy 20 ngày quyền được đồng đổ chất thành gò đưa về chùa Hưng Phúc...”. Không khí hương ứng thật sôi nổi: “Ngựa xe đi mà nhà giàu góp hết cả của, trẻ già tới để thôn xóm vắng lặng không ...”. Người soạn cũng ghi được câu nói khiêm tốn giấu đức từ bi của Từ Đạo Hạnh:

“Nay chuông mới đúc xong, đó là do chúng sinh đều góp duyên. Ta không có công gì đáng ghi. Hãy lưu lại phương danh của các tín chủ, hãy ghi chép để truyền lại đời sau”.

Bài văn cũng cho biết quan hệ giữa Từ Đạo Hạnh với vương triều nhà Lý và uy vọng của ông ở chốn triều đình. Khi Từ Đạo Hạnh tu ở trên núi Phật Tích, “các vương tử xe ngựa ồn ào, người khắp nước hương hoa dâng lễ. Ngự thư ban chiếu, vua dự tiệc chay. Ban bảo y ngang bậc thượng đẳng, lên xe Phật sánh cùng Tứ quả”. Khi đúc chuông, thái hậu Linh Nhân sai Trung sứ tới tận chùa (để đóng góp). Chuông đúc xong thì tâm nguyện của Từ Đạo Hạnh là “Trên báo đáp Đức Kim Thượng được mãi mãi giáo hoá, ngự ngôi báu lâu dài. Nhờ vật báu quốc gia mà các đời phồn thịnh, dân ấm no và đất nước bình yên...”. Đây cũng là nét đặc sắc trong quan hệ giữa đạo Phật thời đó với nhân dân, với đất nước, với vương triều.

sách *Mộng Khê bút đàm* rằng: “Lý Công Uẩn vốn là người đất Mân”

Tôn, Cao Tôn, Huệ Tôn...” (theo FQ418/ II, 5).

là xóm Long Châu hương Diên Uẩn, có cây gạo của làng Quý An trồng

Phật cùng thời ở chùa Chương Sơn, Ngô Xá, Yên Lợi, Ý Yên,

quy y Phật pháp. Đế của bộ Phật là các lớp sóng hình năm đội nhau và dưới cùng là một lớp sóng nước.

bằng không phải hành cung (không có rồng Ly), tuy nhiên vẫn đắp nên các cấp nền thấp. Và có lẽ một biểu hiện riêng về kiến trúc Lý

Thúc Loan, nhà tiền Lý (Lý Bôn + Triều Quang Phục). Phùng Hưng

Thứ ba, kinh đô là một căn cứ quân sự, đặt ở nơi có vị trí hiểm yếu không thể phát triển thành một trung tâm kinh tế – Văn hoá của cả nước. Địa thế Hoa Lu “chật hẹp, không đủ làm chỗ ở của đế vương”, không tương xứng với xu thế đi lên của đất nước.

Thứ tư là mâu thuẫn giữa tư tưởng Phật giáo với những biện pháp bảo vệ chính quyền. Chính quyền thời Đinh – Lê khuyến khích phát triển Phật giáo, coi đó là bộ đỡ tư tưởng đối lập với Nho giáo và những ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa nhằm xây dựng một thiết chế chính trị khác với Trung Quốc. Vị trí của sư tăng ngày càng tăng lên. Không ít trong số họ trở thành những quan lại